

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST

Ngày : 16/10/2019

V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Muôn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoài Thanh

2. Bà Trần Thị Út

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Hằng Nga – Thư ký Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019, về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim T, sinh năm: 1979 (Có mặt);

Địa chỉ thường trú: Thôn HK, xã VK, huyện VN, tỉnh KH.

Địa chỉ liên hệ: 74/1B, NC, Tổ 33, Khu phố 4, phường TĐ, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm: 1977 (Có mặt);

Địa chỉ thường trú: Tổ 11, phường NC, thành phố QN, tỉnh QN.

Địa chỉ tạm trú: 74/7, NC, Khu phố 4, phường TĐ, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 03/4/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Lê Thị Kim T trình bày giữa nguyên đơn và bị đơn tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 05/4/2005 tại Ủy ban nhân dân phường NC, thị xã QN, tỉnh QN theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 95, Quyền số: 01/2005. Sống đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Q có lời lẽ xúc phạm bà, N bà ngoại tình,

thường xuyên đập phá đồ đạc, tài sản. Vì con cái nên bà chịu đựng để giữ gìn gia đình và nghĩ ông Q sẽ thay đổi, nhưng chứng nào tật nấy. Do mâu thuẫn trầm trọng nên hai người đã sống ly thân từ năm 2018, ông Q thường xuyên đến quấy rối, gây chuyện. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Q để ổn định cuộc sống. Quá trình sống chung giữa bà và ông Q có 02 con chung là Nguyễn Hữu Chiêu N, sinh ngày 02/09/2005 và Nguyễn Lê N, sinh ngày 22/11/2011. Bà yêu cầu được nuôi 02 cháu vì hiện tại các cháu còn nhỏ và đang ở với bà, bà có công việc và nguồn thu nhập ổn định bình quân mỗi tháng khoảng 16.000.000 đồng. Khi được nuôi con, bà không yêu cầu ông Q cấp dưỡng tiền nuôi con. Tài sản chung của vợ chồng không có gì.

Sau khi nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Nguyễn Hữu Q đồng ý với phần trình bày của bà T về thời điểm kết hôn, con chung và tài sản chung. Theo trình bày của ông Q thì nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bà T không làm tròn trách nhiệm của người vợ, thường xuyên gieo vào đầu các con ý nghĩ không tốt về người cha. Việc ông không còn ở chung với nhau là do bà T đuổi ông đi, mỗi lần ông đến gặp các con thì bị bà T ngăn cản. Nay ông đồng ý ly hôn với bà T. Khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Lê N, sinh ngày 22/11/2011 vì hiện tại ông đang làm việc ổn định tại Thành phố Hồ Chí Minh, thu nhập trung bình hàng tháng khoảng là 12.000.000 đồng. Khi được nuôi con, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng tiền nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi Nêu cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận giữa các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hữu Q. Đây là tranh chấp về “Ly hôn” và bị đơn hiện đang cư trú tại Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Xét trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành xác minh thu thập chứng cứ hoặc đối tượng tranh chấp là tài sản công, lợi ích công cộng, quyền sử dụng đất, nhà ở hoặc có đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật này nên Viện kiểm sát nhân dân Quận

H không tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp có cơ sở xác định: Bà Lê Thị Kim T và ông Nguyễn Hữu Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường xã NC, thị xã QN, tỉnh QN theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 95, Quyền số: 01/2005 ngày 05/4/2005 nên quan hệ hôn nhân của bà T và ông Q là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét tại phiên tòa, mặc dù đã được Hội đồng xét xử phân tích, động viên bà Lê Thị Kim T và ông Nguyễn Hữu Q đoàn tụ để xây dựng tổ ấm gia đình và nuôi dạy con tốt. Tuy nhiên, bà T và ông Q vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn vì cho rằng tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận việc bà T và ông Q thuận tình ly hôn.

Về con chung: Căn cứ vào các Giấy khai sinh số: 169; Quyền số: 01 ngày 23/9/2005 và số:01/2005; Quyền số: 01/2012 ngày 10/01/2012 của Ủy ban nhân dân xã VK, huyện VN, tỉnh KH, thì giữa bà Lê Thị Kim T và ông Nguyễn Hữu Q có 02 con chung là Nguyễn Hữu Chiêu N, sinh ngày 02/09/2005 và Nguyễn Lê N, sinh ngày 22/11/2011. Tại phiên tòa, bà T và ông Q đều xác nhận, hai cháu hiện đang ở với mẹ. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà T yêu cầu được nuôi 02 cháu, còn ông Q yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Lê N, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ. Bà T và ông Q đều có việc làm, có nguồn thu nhập nhưng đang phải thuê nhà ở. Tuy nhiên, do hai cháu còn nhỏ, đang ở chung với mẹ nên không thể tách hai cháu ra để giao cho một bên bố oặc mẹ nuôi dưỡng. Bên cạnh đó, căn cứ vào bản tự khai ngày 17/7/2019 của 02 cháu Nguyễn Hữu Chiêu N và Nguyễn Lê N, thì cả 02 cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển về tâm sinh lý cũng như sinh hoạt cá nhân hàng ngày của hai cháu nên Hội đồng xét xử thống nhất quyết định giao 02 con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, phù hợp với lợi ích của con.

Sau khi ly hôn, ông Q vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con mà không ai được cản trở ông Q thực hiện quyền này. Tuy nhiên, ông Q cũng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con là bà T. Tại phiên tòa, bà T không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà T.

Xét tại phiên tòa, bà T, ông Q xác nhận không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà T và ông Q thuận tình ly hôn, nên mỗi người phải chịu 50% mức án phí theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T chịu phần án phí cho ông Q.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 5; Khoản 1 Điều 6; Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 36; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Các Điều 91, 92, 95, 96, 203, 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Kim T:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim T và ông Nguyễn Hữu Q thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số: 95, Quyền số: 01/2005 do Ủy ban nhân dân phường NC, thị xã QN, tỉnh QN cấp ngày 05/4/2005).

- Về con chung: Giao bà Lê Thị Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 cháu Nguyễn Hữu Chiêu N, sinh ngày 02/09/2005 và Nguyễn Lê N, sinh ngày 22/11/2011. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông Q cấp dưỡng tiền nuôi con.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình

năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Các bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về tài sản chung: Không có.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng, bà T đã tạm nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0016394 ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận H. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Kim T và ông Nguyễn Hữu Q có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự
- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận H;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận H;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hữu Muôn**